

Buổi 8 (CÔNG BỐ): Phiếu bài tập

Nền tảng Nghiên cứu Lâm sàng · Cấp độ 1 · Neudata · #ClearDataClearImpact · Tuần 8 · Thứ Bảy
19/12/2026 · trực tuyến, 19:30–22:30

Họ và tên: _____ Khoa/Phòng: _____

Phiếu được gửi qua email trước buổi học, dưới dạng tệp Word và tệp PDF. Hãy mở phiếu trên màn hình và gõ câu trả lời vào tệp Word (hoặc in bản PDF). Trong lớp, cả lớp cùng làm: bạn trả lời trong khung chat hoặc bằng bình chọn, và giảng viên viết câu trả lời của lớp lên màn hình chia sẻ. Bài viết bạn nộp là bài của riêng bạn.

Phần	Bài tập	Khi nào	Cách làm
A	Bài tập viết: sửa spin, bậc thang động từ, câu kết quả, tên đề tài từ PICO	bài về nhà	Tự làm
B	Thực hành bản thảo 2: Đặt vấn đề, Bàn luận, Tóm tắt, Tiêu đề	20:00 (30 phút)	22 phút cả lớp làm Q1, rồi 8 phút cho mục tiêu và tiêu đề của bạn; hoàn thành trong tối nay
C	Công bố: nhận diện tạp chí sẵn mỗi; phản hồi ý kiến phản biện	bài về nhà	Tự làm
D	Phiếu trả lời: "Làm người phản biện"	21:05 (25 phút)	Cả lớp với bình chọn; bạn điền phiếu của riêng mình

Các tệp bạn cần (gửi trước buổi học; đều có trong thư mục khóa học): Bài báo 1 (Boulet 2024, *Crit Care*, thử nghiệm ngẫu nhiên thí điểm về hạn chế dịch trong sốc nhiễm khuẩn) và Bài báo 2 (Hyun 2023, *Ann Intensive Care*, nghiên cứu thuần tập ghép cặp theo điểm xu hướng về cân bằng dịch và tử vong trong nhiễm khuẩn huyết), bản PDF gốc trong [Course/Papers](#); bản nháp Q1 của lớp từ Buổi 7 (PDF); bản nháp Phương pháp và Kết quả của bạn và gói kết quả cho câu hỏi của bạn.

Phần A: Bài tập viết (bài về nhà)

Dùng các bài này để luyện tập sau buổi học, trước khi hoàn thành bản thảo.

A1. Sửa spin

Viết lại mỗi câu sao cho câu chỉ nói điều mà dữ liệu và thiết kế cho phép.

#	Câu gốc (từ các bài báo)	Câu bạn viết lại
a	Bài báo 1 (tr.10), kết cục chính $p = 0.42$, hiệu số 13.2 ml/kg (KTC 95% -15.2 đến 41.6): tác giả dựa vào "the non-significant trend in fluid balance reduction" (xu hướng giảm cân bằng dịch không có ý nghĩa thống kê) để đề xuất một thử nghiệm lớn hơn.	
b	Bài báo 2 (tr.4): "a positive fluid balance on the first ICU day did not impact the 28-day mortality" (cân bằng dịch dương trong ngày ICU đầu tiên không tác động đến tử vong 28 ngày).	
c	Bài báo 2 (tiêu đề): "Impact of a cumulative positive fluid balance during the first three ICU days in patients with sepsis ..." (Tác động của cân bằng dịch tích lũy dương trong ba ngày ICU đầu tiên ở người bệnh nhiễm khuẩn huyết ...)	
d	Bài báo 1 (tr.10): quy trình đạt được "the lowest fluid balance on Day 5 ever published" (cân bằng dịch ngày 5 thấp nhất từng được công bố).	

A2. Leo bậc thang động từ

Chọn động từ mạnh nhất mà mỗi thiết kế cho phép: **được ghi nhận ở (was observed in)** · **có liên quan với (is associated with)** · **có thể góp phần vào (may contribute to)** · **đã làm giảm / không làm giảm (reduced / did not reduce)** · **gây ra (causes)**.

#	Nghiên cứu	Động từ mạnh nhất mà vẫn trung thực
a	Loạt ca bệnh gồm 12 người bệnh ICU bị sốc nhiễm khuẩn có phù phổi sau khi truyền lượng dịch lớn	
b	Nghiên cứu thuần tập trên 3,000 người bệnh nhiễm khuẩn huyết: cân bằng dịch dương và tử vong, có hiệu chỉnh theo mức độ nặng	
c	Một thử nghiệm ngẫu nhiên đơn lẻ trên 48 người bệnh: quy trình hạn chế dịch và cân bằng dịch ngày 5	
d	Năm thử nghiệm ngẫu nhiên lớn và một phân tích gộp, tất cả đều nhất quán	
e	Khảo sát cắt ngang về mức độ đầy đủ của phiếu theo dõi cân bằng dịch tại hai ICU	

A3. Viết câu kết quả (con số + KTC, không dùng tính từ)

Viết một câu cho mỗi kết quả, theo mẫu "Ở [ai], [kết cục] [tác động] ([chỉ số] [giá trị], KTC 95% [giới hạn dưới] đến [giới hạn trên])".

- Bài báo 2, thuần tập ngày 3: tử vong 28 ngày, cân bằng dịch dương so với âm, HR 1.56, KTC 95% 1.10 đến 2.22, $P = 0.012$.
- Bài báo 1: tử vong trước ngày 28, 6/24 (hạn chế dịch) so với 6/24 (nhóm chứng), nguy cơ tương đối 1.0, KTC 95% 0.38 đến 2.66.

3. Bài báo 2, thuần tập ngày 1: HR 1.17, KTC 95% 0.85 đến 1.60, P = 0.354.

A4. Tên đề tài từ PICO của bạn

Công thức: **[Thiết kế]** về **[Can thiệp / phơi nhiễm]** so với **[Nhóm so sánh]** ở **[Đối tượng]**: **tác động lên / mối liên quan với [Kết cục]**. 10–16 từ, nêu rõ thiết kế, không dùng "impact" (tác động), "novel" (mới), "first" (đầu tiên).

PICO của tôi: P _____ I/E _____ C _____ O _____

Tên đề tài tạm thời: _____

Số từ: _____ Đã nêu thiết kế? ☐ Động từ chừng mực (mối liên quan cho thiết kế quan sát)? ☐

Phần B: Thực hành bản thảo 2: hoàn thiện bản nháp (30 phút, 20:00)

Hôm nay chúng ta thêm phần Đặt vấn đề, Bàn luận, Tóm tắt và Tiêu đề, và bản nháp được hoàn chỉnh. Chúng tôi đưa kết quả cho bạn; bạn viết bài báo.

Cách dùng 30 phút

Giờ	Ai	Việc cần làm
20:00–20:06	Cả lớp, Q1	Đặt vấn đề: ba đoạn (điều đã biết, điều chưa biết, mục tiêu). Bạn gợi ý câu trong khung chat; giảng viên gõ vào bản nháp của lớp.
20:06–20:15	Cả lớp	Bàn luận: sáu bước (trả lời, so sánh, giải thích, hạn chế kèm chiều hướng, ý nghĩa, kết luận).
20:15–20:20	Cả lớp	Tóm tắt: Đặt vấn đề / Phương pháp / Kết quả / Kết luận, số liệu chép từ phần Kết quả của lớp.
20:20–20:22	Cả lớp	Tiêu đề và kiểm tra động từ: mọi chữ "cause" (gây ra), "impact" (tác động), "effect of" (hiệu quả của) và "show" (cho thấy) đổi thành "associated with" (có liên quan với).
20:22–20:30	Bạn, tự làm	Viết câu mục tiêu và tiêu đề cho câu hỏi CỦA BẠN. Dán tiêu đề vào khung chat.
Tối nay, trước 23:59	Bạn	Thêm phần Đặt vấn đề (~350 từ), Bàn luận (~600 từ), Tóm tắt (≤ 250 từ) và Tiêu đề + 3–6 từ khóa, rồi nộp bản nháp hoàn chỉnh.

Bản nháp Q1 hoàn chỉnh của lớp được chia sẻ dưới dạng PDF sau buổi học. Nếu bạn chọn Q1, hãy viết bài báo bằng lời của bạn; không chép bản nháp của lớp.

Bàn luận: danh sách kiểm tra sáu bước

- ☐ **1 Trả lời:** câu đầu tiên trả lời câu hỏi bằng con số chính (ước lượng đã hiệu chỉnh + KTC 95%)
- ☐ **2 So sánh:** với Bài báo 2 và ít nhất một nghiên cứu khác, và vì sao kết quả có thể khác nhau
- ☐ **3 Giải thích:** một đoạn ngắn về cơ chế / tính hợp lý
- ☐ **4 Hạn chế:** thiết kế quan sát (nhiều tồn dư, đặc biệt là mức độ nặng), dữ liệu giảng dạy mô phỏng, dữ liệu thiếu, chỉ một thời điểm đo... mỗi hạn chế kèm *chiều hướng* có thể của nó
- ☐ **5 Ý nghĩa:** cho thực hành (thận trọng) và cho nghiên cứu (ví dụ một thử nghiệm ngẫu nhiên như Bài báo 1)
- ☐ **6 Kết luận:** một câu, cùng động từ và thông điệp với phần tóm tắt và tiêu đề

Lưu ý riêng cho từng câu hỏi

- **Q1:** OR thô và OR đã hiệu chỉnh khác nhau. Giải thích nhiều do chỉ định ở bước 3 hoặc 4.
- **Q2:** tổn thương thận cấp cũng có thể *gây ra* tích lũy dịch (quan hệ nhân quả ngược). Hãy nói rõ điều này.
- **Q3:** số ngày không thở máy có phân phối lệch và tính tử vong là 0. Giải thích ý nghĩa của chỉ số này.
- **Q4:** so sánh ước lượng trường hợp đầy đủ và quy gán đa bội; nói giả định về dữ liệu thiếu (MAR, thiếu ngẫu nhiên) có ý nghĩa gì đối với kết luận của bạn.
- **Q5:** chỉ người sống sót. Người tử vong bị loại, vì vậy hãy nói rõ kết quả áp dụng cho ai.

Sản phẩm cần nộp

Bản nháp hoàn chỉnh của bạn (~2,000 từ, mẫu [Course/Templates/Manuscript_Template_IMRaD](#)) lưu với tên `Surname_Manuscript_QN_draft.docx`, nộp **trước 23:59 ngày diễn ra Buổi 8** (thư mục khóa học hoặc email cho trưởng khóa học; xem [Course/Assignment/manuscript_brief.md](#)). Sau đó là bình duyệt chéo cá nhân: trong vòng 2 ngày, trưởng khóa học gửi cho bạn bản nháp của một bạn cùng lớp; bạn phản biện bằng 10 câu hỏi của Phần D và gửi nhận xét trong vòng 1 tuần; bạn gửi bản nháp đã sửa và thư phản hồi ([Course/Templates/Response_to_Reviewers_Template](#)) trong vòng 2 tuần ([Course/Assignment/peer_review_instructions.md](#)).

Phần C: Công bố (bài về nhà)

C1. Nhận diện tạp chí săn mồi

1. **Tìm các dấu hiệu cảnh báo** trong thư mời (hư cấu) dưới đây. Bạn tìm được bao nhiêu? (Thư được giữ nguyên tiếng Anh, vì thư mời loại này thường viết bằng tiếng Anh.)

From: editorial.board.gjcmr@freemail.com

Subject: Invitation to publish in our esteemed journal!!

Dear Respected Professor/Doctor,

Greetings! We have gone through your excellent article and are delighted to invite you to submit to the *Global Journal of Clinical Medicine, Nursing, Engineering and Management Research*. We publish all areas of science.

Our journal has an Impact Factor of 9.2 (International Universal Index). We guarantee peer review within 48 hours and publication in 5 days. Processing charges will be communicated after acceptance. Special discount this week only!

Kindly submit your manuscript by replying to this e-mail.

2. Bạn sẽ tin tậ chí nào? Với mỗi hồ sơ tậ chí (hư cấu), ghi *Tin cậy* / *Kiểm tra thêm* / *Tránh* và một lý do.

Hồ sơ tậ chí	Nhận định của bạn	Lý do
J1: Được chỉ mục trong MEDLINE (đã xác nhận trên NLM Catalog), tên biên tập viên kiểm chứng được tại các trường đại học, phí (APC) công bố trên website, thời gian trung vị đến quyết định đầu tiên 9 tuần, dùng bảng kiểm CONSORT/STROBE.		
J2: Tự giới thiệu "indexed in Google Scholar and Index Copernicus", hứa chấp nhận trong 72 giờ, không có thông tin về phí, ảnh ban biên tập không kèm cơ quan công tác.		
J3: Truy cập mở, có trong danh sách DOAJ, tậ chí nhỏ của một hội chuyên ngành, chưa có hệ số ảnh hưởng, chính sách bình duyệt và rút bài rõ ràng.		
J4: Tên chỉ khác một từ so với một tậ chí nổi tiếng; địa chỉ website khác với website của tậ chí thật; tậ chí email cho bạn trước.		

3. Ba bước kiểm tra bạn luôn làm được: danh sách kiểm tra Think.Check.Submit · DOAJ (Directory of Open Access Journals) · NLM Catalog ("currently indexed in MEDLINE"). Bạn cũng có thể hỏi cán bộ thư viện.

C2. Phản hồi ý kiến phản biện

Hãy tưởng tượng nghiên cứu bạn đề xuất đã hoàn thành và đã gửi đăng. Viết một dòng phản hồi cho mỗi nhận xét (cảm ơn, trả lời, nói chính xác điều gì đã thay đổi). Một trong số đó cần được phản bác một cách lịch sự.

#	Nhận xét của người phản biện	Phản hồi của chúng tôi	Thay đổi đã thực hiện (trang, dòng)
R1.1	"Tiêu đề nói can thiệp của bạn <i>cải thiện</i> kết cục, nhưng đây là nghiên cứu quan sát."		
R1.2	"Đề nghị báo cáo kết quả chính kèm khoảng tin cậy, không chỉ giá trị p."		
R1.3	"Phần văn bản và Bảng 2 đưa ra số người bệnh được phân tích khác nhau (212 so với 208)."		
R2.1	"Đề nghị bổ sung tử vong 1 năm." (Đề cương của bạn chỉ theo dõi người bệnh đến ngày 28.)"		

Danh sách kiểm tra giọng văn: ☐ đã cảm ơn người phản biện ☐ đã trả lời mọi ý ☐ đã nói bản thảo thay đổi ở đâu ☐ chỉ phản bác khi có bằng chứng, một cách lịch sự

Phần D: Phiếu trả lời: "Làm người phản biện" (25 phút, 21:05)

Bạn sẽ làm gì

Hai bài báo đã công bố trả lời câu hỏi xuyên suốt của chúng ta (**dịch truyền trong sốc nhiễm khuẩn**) bằng hai thiết kế khác nhau:

Bài báo		Thiết kế
Bài báo 1	Boulet N, et al. <i>Crit Care</i> 2024;28:429 (chiến lược hạn chế dịch không nhằm hồi sức, OPTIFLUID)	Thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng thí điểm, 48 người bệnh được phân tích
Bài báo 2	Hyun D-G, et al. <i>Ann Intensive Care</i> 2023;13:105 (cân bằng dịch tích lũy dương trong ba ngày ICU đầu tiên)	Nghiên cứu thuần tập ghép cặp theo điểm xu hướng từ sổ đăng ký nhiễm khuẩn huyết, 2516 người bệnh

Cả lớp cùng thẩm định **cả hai** bài báo. Giảng viên trình chiếu trang tương ứng trên màn hình chia sẻ, bạn bình chọn **Có / Không / Không rõ**, và một bạn tình nguyện nêu số trang và câu văn trong khung chat. Điền phiếu của riêng bạn trong lúc làm. "Không rõ" là câu trả lời tốt khi bài báo không nói đến.

Số trang là số trang của tạp chí, in ở đầu mỗi trang ("Page X of 13" với Bài báo 1, "Page X of 9" với Bài báo 2). Dùng bản PDF gốc (không có chú thích).

Cách dùng 25 phút

Giờ	Diễn biến
21:05–21:08	Hai bài báo và 10 câu hỏi (slide).
21:08–21:23	Cả lớp thẩm định với bình chọn. Bài báo 1: câu 4, 5, 7, 8 và 9. Bài báo 2: câu 4, 5, 8 và 9.
21:23–21:30	Mỗi thiết kế được phép khẳng định điều gì? Bảng tóm tắt so sánh hai bài.
Ở nhà	Trả lời các câu còn lại (1–3, 6 và 10) cho cả hai bài báo.

Vì sao điều này quan trọng: sau khóa học, bạn dùng **cùng 10 câu hỏi** này để phản biện bản thảo FLUID-ICU của một bạn cùng lớp (bình duyệt chéo cá nhân, 2 tuần).

Tìm ở đâu

Câu hỏi	Bài báo 1 (RCT): trang	Bài báo 2 (thuần tập): trang
1 Câu hỏi	Tóm tắt (tr.1); đoạn cuối phần Background (tr.3)	Tóm tắt (tr.1); cuối phần Background (tr.2)
2 Thiết kế	Tiêu đề (tr.1); "Trial design and oversight" (tr.3)	Tiêu đề (tr.1); Methods (tr.2–3)
3 Người tham gia	"Patients" (tr.3); sơ đồ Fig. 1 (tr.5); phần hạn chế trong Discussion (tr.10)	"Data source and patient selection" (tr.2); đoạn đầu phần Results (tr.3)
4 Nhóm so sánh	"Randomization and blinding" (tr.3); Table 1 (tr.6)	"Propensity score matching" (tr.2–3); Table 1 (tr.5–6); văn bản tr.4
5 Sai lệch	"Randomization and blinding" (tr.3); Discussion (tr.8)	Methods (tr.2–3); phần hạn chế trong Discussion (tr.7–8)
6 Kết cục	"Outcomes" (tr.4)	"Propensity score matching and outcomes" (tr.3)
7 Số liệu	"Primary outcome" (tr.6); Table 3 (tr.10)	Tóm tắt (tr.1); "Outcomes" (tr.4)
8 Lời lẽ so với thiết kế	Kết luận trong tóm tắt (tr.1); Discussion (tr.8, 10); Conclusions (tr.11)	Tiêu đề (tr.1); kết luận trong tóm tắt (tr.1); Discussion (tr.4, 7); Conclusions (tr.8)
9 Hạn chế	Discussion (tr.8–10)	Discussion (tr.7–8)
10 Ứng dụng	Nhận định của bạn (toàn bài)	Nhận định của bạn (toàn bài)

Phiếu trả lời (mỗi bài báo một bản)

Bài báo: 1 / 2

#	Câu hỏi (bảng kiểm thẩm định rút gọn)	Có	Không	Không rõ	Trang	Ghi chú (một dòng)
1	Câu hỏi: Bạn có viết được PICO của nghiên cứu trong một dòng không?	☐	☐	☐		P: ... I/E: ... C: ... O: ...
2	Thiết kế: Thiết kế là gì, và có phù hợp với câu hỏi không?	☐	☐	☐		
3	Người tham gia: Ai được đưa vào, và ai bị bỏ ra ngoài? Người bệnh của bạn có được đưa vào không?	☐	☐	☐		
4	Nhóm so sánh: Các nhóm có giống nhau lúc ban đầu không (Bảng 1)? Điều đó đạt được bằng cách nào (phân bổ ngẫu nhiên / ghép cặp / hiệu chỉnh)?	☐	☐	☐		
5	Sai lệch: Ai biết người bệnh thuộc nhóm nào (làm mù)? Điều đó có thể làm thay đổi kết cục không?	☐	☐	☐		
6	Kết cục: Có MỘT kết cục chính được xác định trước, đo giống nhau ở cả hai nhóm không?	☐	☐	☐		
7	Số liệu: Kết quả chính dưới dạng độ lớn tác động kèm KTC 95% là gì? KTC hẹp hay rộng?	☐	☐	☐		Tác động: KTC 95%:
8	Lời lẽ so với thiết kế: Kết luận có tương xứng với thiết kế không ("có liên quan" so với "gây ra"; không dùng "xu hướng" cho $p = 0.42$)?	☐	☐	☐		Từ tìm thấy:
9	Hạn chế: Các hạn chế chính có được nêu trung thực không? Nêu một hạn chế tác giả bỏ sót.	☐	☐	☐		Bỏ sót:
10	Ứng dụng: Bài báo này có làm thay đổi thực hành tại khoa của bạn không? Vì sao có / vì sao không?	☐	☐	☐		

Nhận định của tôi trong một câu: _____

Một điều tôi sẽ đưa vào đề cương của mình: _____

Gợi ý nếu bạn bị bí

- **Câu 1:** PICO thường nằm ở đoạn cuối phần Đặt vấn đề ("we aimed to ..."). Kết cục của bài báo có giống câu hỏi xuyên suốt của chúng ta (tử vong 28 ngày) không?
- **Câu 4:** thử nghiệm ngẫu nhiên làm các nhóm giống nhau nhờ may rủi; nghiên cứu thuần tập chỉ có thể ghép cặp hoặc hiệu chỉnh theo những gì đã được đo. Tìm câu văn nói rõ bài báo dùng cách nào.
- **Câu 5:** ai quyết định lượng dịch mỗi người bệnh nhận được, và họ có biết nhóm không?
- **Câu 7:** tìm chữ "difference" hoặc "HR" theo sau là dấu ngoặc. Khoảng tin cậy có chứa 0 (với hiệu số) hoặc 1 (với tỷ số) không?
- **Câu 8:** tìm các từ *impart*, *show*, *trend*, *ever*, *regardless*.